| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN BÌNH THẠNH**<br>THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 1934/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 08/9/2017
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Nhơn

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Hoa

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Vương Thị Lan Phương là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa:***

Bà Lê Thị Hồng Nga – Kiểm sát viên sơ cấp

Ngày 08 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1049/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2017 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 310/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 220/2017/QĐST-HNGĐ ngày 18/8/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị T

Địa chỉ: Đường X, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Nguyễn Thế D

Địa chỉ: Đường X, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 05/05/2017 và các biên bản tại Tòa án, nguyên đơn là bà Trần Thị T trình bày: Bà và ông Nguyễn Thế D tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân A, Quận B, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 205/2001, quyển số 02/2001 ngày 18/11/2001. Ông bà chung sống hạnh phúc được một khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do không hòa hợp về tính cách, sự khác biệt trong lối sống và suy nghĩ của mỗi người. Mặc dù đã cố gắng để hòa giải nhưng không giải quyết được mâu thuẫn, ông bà đã ly thân từ năm 2013

đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể kéo dài cuộc hôn nhân này nên bà yêu cầu được ly hôn với ông D

Về con chung: Ông bà có ba con chung là Nguyễn Ngọc Q sinh ngày 12/06/2003, Nguyễn Ngọc D sinh ngày 12/06/2003 và Nguyễn Thế A sinh ngày 01/04/2009. Bà yêu cầu được nuôi ba con và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Nguyễn Thế D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ và thông thụ lý, giấy triệu tập và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không đến Tòa, không nộp văn bản ghi ý kiến của mình về yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện VKSND quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Việc bị đơn không đến Tòa án theo giấy triệu tập, không gửi văn bản ghi ý kiến của mình về yêu cầu của nguyên đơn, không quan tâm tới tình trạng hôn nhân của mình cho thấy các đương sự đã có mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về việc ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà không có mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 277, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Về các yêu cầu của đương sự:

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, thấy: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 205/2001, quyển số 02/2001, ngày 18/11/2001 do Ủy ban nhân dân Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày  thể hiện quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp. Trong quá trình Tòa giải quyết vụ án, bị đơn không đến Tòa để tham gia các phiên hòa giải, không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình về yêu cầu của nguyên đơn. Điều đó chứng tỏ bị đơn không quan

tâm đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng và xây dựng hạnh phúc gia đình. Nhận thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng trên thực tế, cuộc sống vợ chồng của các đương sự không hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn. Tòa án đã hòa giải nhưng không thành, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu ly hôn, đôi bên tiếp tục sống ly thân, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Các đương sự có ba con chung là Nguyễn Ngọc Q sinh ngày 12/06/2003, Nguyễn Ngọc D sinh ngày 12/06/2003 và Nguyễn Thế A sinh ngày 01/04/2009. Nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng ba con và các trẻ cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do đương sự không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết.

[4].Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn – Bà Trần Thị T:

Về quan hệ vợ chồng: Bà Trần Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Thế D.

Về con chung: Giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng ba trẻ Nguyễn Ngọc Q sinh ngày 12/06/2003, Nguyễn Ngọc D sinh ngày 12/06/2003 và Nguyễn Thế A sinh ngày 01/04/2009. Bà T không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của trẻ, khi có căn cứ, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng bà Trần Thị T phải nộp nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai thu số 0002080 ngày 25/05/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Bình Thạnh ;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- UBND Phường A, Quận B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Thanh**